TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 02 - 2022
"V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồ Cảnh.

Ông Trần Xuân Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Nghệ An: Không tham gia phiên toà.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị NTHY; sinh năm 1990.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 2, xã NX, NL, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Nơi tạm trú: #101 Sunflower, 60 Buk-gil, 36 Hosangdong-ro, Dalseo-gu, 10975779 Daegu Metropolitan City (Hosan-dong), Hàn Quốc. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh VVM; sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm 2, xã NX, NL, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn xin ly hôn, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn NTHY như sau:

Chị Y và anh VVM tìm hiểu và tự nguyện yêu thương nhau, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NX, NL, tỉnh Nghệ An vào ngày 14/4/2010. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung hạnh phúc. Đến đầu năm 2018 vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách của hai vợ chồng không hợp nhau, không tôn trọng lẫn nhau. Đến tháng 5/2018 do hoàn cảnh khó khăn, chị Y đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Quá trình làm việc ở Hàn Quốc, chị Y thường xuyên tiết kiệm gửi tiền về Việt Nam để anh M nuôi con và cất giữ lo cho cuộc

sống sau này. Tuy nhiên, tiền chị Y gửi về được bao nhiêu anh M tiêu xài hết, hiện nay không còn gì, anh M ngày càng coi thường chị Y. Mặc dù đã được đã được hai bên nội, ngoại cố gắng hàn gắn, nhưng tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng hơn. Chị Y nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Vì vậy, chị Y làm đơn ly hôn anh M, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử cho ly hôn.

Về con chung: Chị Y, anh M có 02 người con chung là cháu VHĐ, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2010 và cháu VNHD, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2015. Hiện nay cháu Đ và cháu D đang ở cùng anh M đang được anh M chăm sóc, nuôi dưỡng, học hành. Nếu vợ chồng được ly hôn, chị Y đề nghị Tòa án giao con chung cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con. Chị Y có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 5.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có. Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn, anh VVM trình bày: Anh VVM thừa nhận về điều kiện, thời gian, địa điểm Đ ký kết hôn như chị NTHY đã khai. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, năm 2018 anh M đã vay tiền cho chị Y đi lao động tại Hàn Quốc. Trong thời gian vợ chồng xa cách nhau chị Y không thường xuyên gọi điện về và không quan tâm chồng con. Sau một thời gian anh có phát hiện ra là chị Y có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị Y không thay đổi. Vì vậy, anh đồng ý ly hôn với chị Y.

Về con chung: Anh M và chị Y có 02 người con chung là cháu VHĐ, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2010, đang học lớp 6 Trường Trung học sơ sở NX, NL, tỉnh Nghệ An và cháu VNHD, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2015, đang học lớp 1 Trường tiểu học NX, NL, tỉnh Nghệ An. Hiện nay cháu Đ và cháu D đang được anh M chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng được ly hôn, anh M đề nghị Tòa án giao con chung cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con. Anh M đồng ý chị Y có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho 02 con mỗi tháng 5.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh M và chị Y không có tài sản chung. Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị NTHY hiện đang ở nước ngoài, sau khi gửi đơn khởi kiện và trình bày quan điểm (có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc), nhưng vì điều kiện không thể trực tiếp tham gia hòa giải, giải quyết vụ án nên đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị NTHY đã ủy quyền cho chị

Trần Thị Thủy Chung giao nhận các văn bản của Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ có sự tham gia của anh VVM. Ngày 21 tháng 01 năm 2022, anh VVM đã có quan điểm về việc giải quyết vụ án. Ngày 14 tháng 02 năm 2022, anh M đã có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh. Căn cứ khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không thể hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị NTHY và anh VVM kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NX, NL, tỉnh Nghệ An vào ngày 14 tháng 4 năm 2010 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung hạnh phúc. Năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn và chị Y đi lao động ở Hàn Quốc, còn anh M ở Việt Nam, vợ chồng sống xa nhau nhưng không ai quan tâm đến ai. Do tình cảm không còn, chị Y làm đơn xin ly hôn anh M. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng hôn nhân giữa chị Y và anh M đã có những mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị NTHY, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị NTHY và anh VVM được ly hôn.

[2.2] Về con chung: Chị NTHY và anh VVM khai vợ chồng có 02 người con chung là VHĐ, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2010, đang học lớp 6 Trường trung học cơ sở NX, NL, tỉnh Nghệ An và VNHD, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2015, đang học lớp 1 Trường tiểu học NX, NL, tỉnh Nghệ An. Hiện nay cháu Đ và cháu D đang ở cùng anh M và được anh M chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị Y đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị Y có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 5.000.000đ. Anh M đồng ý. Cháu Đ, cháu D có bản tự khai thể hiện nguyện vọng được ở với bố. Nguyện vọng của các cháu phù hợp với ý kiến của chị Y và anh M.

Xét thấy, hiện nay chị Y đang ở nước ngoài, các cháu Đ và D đang ở với bố. Từ ngày chị Y đi nước ngoài đến nay, các con đều được anh M chăm sóc, nuôi dạy chu đáo, đầy đủ; ý kiến của anh M và chị Y phù hợp với nguyện vọng của các con. Xét thấy sự tự nguyện của các đương sự về việc nuôi con là không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận giao các con chung cho anh M nuôi và chị Y cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 đồng là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị NTHY và anh VVM đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị NTHY phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 207; Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố dụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị NTHY và anh VVM được ly hôn.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung là VHĐ, sinh ngày 18/10/2010 và VNHD, sinh ngày 30/03/2015 cho anh VVM trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng: Chị NTHY cấp dưỡng cho 02 con chung mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu) đồng, việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu cháu VHĐ và cháu VNHD đủ 18 tuổi, trưởng thành hoặc đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị NTHY phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai số 0011629 ngày 07/01/2022 (chị Trần Thị Thủy Chung nộp thay) và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo:

5.1. Chị NTHY đang cư trú tại nước ngoài, vắng mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc Bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ.

5.2. Anh VVM vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghi Xá;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thúy Quỳnh